

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN LỘC LIÊN HOA MEDIA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN LỘC LIÊN HOA MEDIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LOC LIEN HOA MEDIA GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: LOC LIEN HOA MEDIA GROUP.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110476899

3. Ngày thành lập: 15/09/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm Mới, Thôn Lập Thành, Xã Đông Xuân, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982999896

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
2.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
3.	Bán buôn thực phẩm	4632
4.	Bán buôn đồ uống	4633
5.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
7.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
8.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ loại nhà nước cấm)	4669
9.	Trồng lúa	0111
10.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
11.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
12.	Trồng cây mía	0114
13.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
14.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
15.	Trồng cây hàng năm khác	0119
16.	Trồng cây ăn quả	0121
17.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
18.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
19.	Trồng cây lâu năm khác	0129
20.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141

21.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
22.	Chăn nuôi gia cầm	0146
23.	Chăn nuôi khác (trừ nuôi côn trùng)	0149
24.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
25.	Khai thác thủy sản biển	0311
26.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
27.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
28.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
29.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất,... làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh,...)	8230(Chính)
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Loại trừ: Dịch vụ báo cáo tòa án; Hoạt động đấu giá độc lập; Dịch vụ lấy lại tài sản.	8299
31.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ hoạt động đấu giá)	9000
32.	Quảng cáo Loại trừ quảng cáo thuốc lá	7310
33.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
34.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
35.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
36.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
37.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
38.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
39.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
40.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
41.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
42.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
43.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
44.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
45.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
46.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
47.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
48.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
49.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
50.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
51.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080

52.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
53.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đầu giá)	4791
54.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
55.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;	4932
56.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
57.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke)	5510
58.	Cơ sở lưu trú khác (Không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar)	5590
59.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
60.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...) (Không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar)	5621
61.	Dịch vụ ăn uống khác (Không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar)	5629
62.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar)	5630
63.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
64.	Hoạt động hậu kỳ	5912
65.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (trừ hoạt động báo chí, hoạt động phát thanh, chương trình truyền hình)	5913
66.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920

67.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Đại lý dịch vụ viễn thông - Cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản và dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng; - Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động;	6190
68.	Đại lý du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa. - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế.	7911
69.	Điều hành tua du lịch	7912
70.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
71.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
72.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
73.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
74.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
75.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
76.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh vàng miếng, trừ hoạt động đấu giá, trừ Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Bán lẻ tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 7.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 700.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN LAM THƯỜNG	P902 Nhà 24T1 KĐT Trung Hòa – Nhân Chính, đường Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	420.000	4.200.000.000	60,000	001184028230	
			Tổng số	420.000	4.200.000.000	60,000		
2	TRƯƠNG THỊ KHÁNH LINH	Số 11, ngách 97, ngõ Quỳnh, đường Thanh Nhàn, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	70.000	700.000.000	10,000	022183005252	
			Tổng số	70.000	700.000.000	10,000		
3	NGUYỄN VĂN LỘC	Thôn Ly 2-3, Xã Cam Cọt, Huyện Bảo Yên, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	210.000	2.100.000.000	30,000	010098008856	
			Tổng số	210.000	2.100.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN LAM THƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/11/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001184028230

Ngày cấp: 01/11/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: P902 Nhà 24T1 KĐT Trung Hòa – Nhân Chính, đường Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P902 Nhà 24T1 KĐT Trung Hòa – Nhân Chính, đường Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội